

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/DS-ST
Ngày: 28-12-2021
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Phạm Ngọc Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2021/TLST- DS ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2021/QĐST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 217, khu phố A, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 43, tổ 3, ấp L1, xã L2, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số 39, tổ 3, ấp L1, xã L2, huyện D, tỉnh Bình Dương. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2021, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:*

Ông T làm nghề bán thức ăn chăn nuôi. Ông T và ông L vốn có mối quan hệ quen biết. Ông L có trại nuôi gà ở tại địa chỉ số 43, tổ 3, ấp L1, xã L2, huyện D, tỉnh Bình Dương. Khoảng giữa năm 2020, ông L có mua cám của ông T cho gà ăn. Việc mua cám và thanh toán tiền cám ông T có ghi lại trong sổ của ông T. Đến ngày 03/11/2020, ông L không thanh toán tiền còn nợ cho ông T tổng số tiền là 409.358.000 đồng và có lập giấy nhận nợ đề ngày 03/11/2020 do ông L ký tên xác nhận. Tuy nhiên, sau đó, ông L luôn tìm cách né tránh không thanh toán nợ cho ông T.

Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu ông L phải thanh toán số tiền mua cám còn nợ là 409.358.000 đồng theo giấy nhận nợ đề ngày 03/11/2020.

Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện đã nộp những tài liệu chứng cứ sau đây: Giấy CMND và hộ khẩu của nguyên đơn (bản sao), giấy nhận nợ đề ngày 03/11/2020 (photo), bản tự khai.

Ngoài ra, nguyên đơn không có ý kiến gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L trong quá trình tố tụng đã được Tòa án thực hiện thủ tục triệu tập và cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông L vắng mặt không có lý do.

- *Ý kiến của người làm chứng Nguyễn Thị Tuyết M thể hiện:* Bà Nguyễn Thị Tuyết M là chị dâu của ông L, cũng chăn nuôi gà tại ấp L1, xã L2 và là người cùng mua cám với ông L ở chỗ ông T. Bà M xác định ông Nguyễn Văn L có mua cám tại cửa hàng của ông Nguyễn Thanh T và ông T còn thuê xe của ông L để chở về, do làm ăm thua lỗ nên ông L không thanh toán được tiền cám cho ông T, ông T cũng đã xuống nhà đòi tiền cám nhiều lần nhưng ông L cố tình trốn tránh. Bà M xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, bị đơn đã vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đề nghị áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Căn cứ vào giấy nợ có cơ sở xác định bị đơn có mua cám và còn nợ của nguyên số tiền 409.358.000 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn L phải thanh toán số tiền mua cám còn nợ là 409.358.000 đồng theo giấy nhận nợ đề ngày 03/11/2020 mà ông T đã cung cấp cho Toà án. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông T yêu cầu bị đơn ông L phải thanh toán số tiền mua cám còn nợ là 409.358.000 đồng. Theo kết quả xác minh tại Công an xã L2, huyện D và chính quyền địa phương xã L2 xác định: Ông L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp L1, xã L2, huyện D, tỉnh Bình Dương và vẫn còn cư trú tại địa phương. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa, bị đơn ông L vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông L phải trả số tiền 409.358.000 đồng căn cứ vào giấy nhận nợ đề ngày 03/11/2020 có chữ ký và chữ viết họ tên của ông Nguyễn Văn L mà ông T đã cung cấp cho Toà án. Quá trình tố tụng Toà án đã tiến hành triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng, niêm yết chứng cứ do nguyên đơn cung cấp theo quy định cho ông L nhưng ông L vẫn vắng mặt nên không thu thập được ý kiến của ông L. ông L cũng không có bất kỳ văn bản phản đối nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ nào khác. Vì vậy, Toà án căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Xét giấy nhận nợ đề ngày 03/11/2020 là bản chính, có nội dung về việc ông Nguyễn Văn L còn nợ tiền mua cám của ông T số tiền 409.358.000 đồng. Người làm chứng Nguyễn Thị Tuyết M là chị dâu của ông L, cũng chăn nuôi gà tại ấp L1, xã L2 và là người cùng mua cám với ông L ở chỗ ông T xác định ông Nguyễn Văn L có mua cám tại cửa hàng của ông Nguyễn Thanh T và ông T còn thuê xe của ông L để chở về, do làm ảm thua lỗ nên ông L không thanh toán được tiền cám cho ông T, ông T cũng đã xuống nhà đòi tiền cám nhiều lần nhưng ông L cố tình trốn tránh. Như vậy, có cơ sở xác định: Giữa ông T với ông L đã thiết lập quan hệ mua bán tài sản, ông T là bên bán, còn ông L là bên mua, tổng số tiền mua cám là 626.778.000 đồng. Ông L đã thanh toán được cho ông T 175.000.000 đồng, tiền thuê xe của ông L là 29.420.000 đồng. Ông T hỗ trợ tiền vác xin cho ông L là 13.000.000 đồng. Ông L còn nợ của ông T là 409.358.000 đồng. Ông T đã thông báo nhiều lần nhưng ông L vẫn không thực

hiện việc trả nợ là L đã vi phạm nghĩa vụ của bên mua. Yêu cầu của ông T về việc buộc ông L thanh toán số tiền 409.358.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Do ông T không yêu cầu ông L thanh toán tiền lãi chậm trả nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.374.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 162, 180, 217, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 430, 431, 434, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T đối với ông Nguyễn Văn L về việc “tranh chấp hợp đồng mua tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn L phải thanh toán cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 409.358.000 đồng (bốn trăm lẻ chín triệu ba trăm năm mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn L phải chịu 20.374.000 đồng (hai mươi triệu ba trăm bảy mươi bốn ngàn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh T 10.187.000 đồng (mười triệu một trăm tám mươi bảy ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0045891 ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/12/2021).

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Tuyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Thu Nguyễn Thị Kim Phi

Phạm Ngọc Tuyên

